

Bản án số: 83/2022/HS-ST

Ngày 31-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Thị Tuyết Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hằng và Ông Đỗ Đình Cường

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Văn Đoàn và Ông Giang Tiến Hiệp -Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tham gia phiên toà

Ông Nguyễn Kiến Thắng, Ông Vũ Đức Hoàng - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 87/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST-HS ngày 12/8/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Ngọc N**, tên gọi khác: Không, giới tính: N; Sinh năm: 1985; Nơi sinh: Huyện B, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Tổ 4, phường P, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Kỹ sư kỹ thuật mỏ; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Ngọc Đ, sinh năm 1963 và con bà Vũ Thị D, sinh năm 1963. Gia đình bị cáo có bốn chị, em bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt N đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Q định số 29-QĐ/UBKTĐUK ngày 23/6/2022 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh.

Ngày 09/11/2021 bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường P, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phạm Hùng H**, tên gọi khác: Không, giới tính: N; Sinh năm: 1986; Nơi sinh: Huyện T, Hưng Yên; Nơi ĐKKHKT: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Hưng Yên; Tạm trú: Tổ 11, phường Đ, Tp L, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Kỹ sư khai thác mỏ; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Hồng Th, đã chết và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961. Gia đình bị cáo có 02 anh em bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Lương Hoài N, sinh năm 1989; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt N đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Q định số 30-QĐ/UBKTĐUK ngày 23/6/2022 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh.

Ngày 18/02/2022 bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

3. Họ và tên: **Phạm Xuân Q**, tên gọi khác: Không, giới tính: N; Sinh năm: 1987; Nơi sinh: Tiên Lữ, Hưng Yên; Nơi ĐKKHKT: Thôn X, xã A, huyện T tỉnh Hưng Yên; Tạm trú: Tổ 5, phường T, Thành phố L, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Kỹ sư khai thác mỏ; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1958 và con bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1963. Gia đình bị cáo có 03 anh em bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ Lê Thị Th, sinh năm 1987; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt N đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Q định số 31-QĐ/UBKTĐUK ngày 23/6/2022 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh.

Ngày 18/02/2022 bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường Đ, thành phố L tỉnh Lai Châu. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Trường tiểu học xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Địa chỉ: bản S, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Đức B - Chức vụ: Hiệu trưởng. *Vắng mặt.*

2. UBND xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Địa chỉ: bản P, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Việt V - Chức vụ: Chủ tịch. *Vắng mặt.*

3. UBND xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu; Địa chỉ: bản Tr, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu. Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Ngh - Chức vụ: Chủ tịch. *Vắng mặt.*

4. Trường mầm non xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Địa chỉ: bản Q, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim Th - Chức vụ: Hiệu trưởng; Đại diện theo ủy quyền: Bà Hà Thị M - Chức vụ: Phó hiệu trưởng. *Có mặt.*

5. Anh Chảo Trồng L, sinh năm 1982 và chị Phàn Thị M, sinh năm 1972; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho chị Phàn Thị M: Anh Chảo Trồng L. *Vắng mặt.*

6. Anh Chảo Văn C, sinh năm 1992 và chị Bàn Thị Ph, sinh năm 1994; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều vắng mặt.*

7. Bà Lý Thị L sinh năm 1973 và anh Tăng Văn Û, sinh năm 2001; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều vắng mặt.*

8. Ông Lý Văn D, sinh năm 1979 và Bà Chảo Thị C sinh năm 1979; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho bà Chảo Thị C: Ông Lý Văn D. *Vắng mặt.*

9. Ông Lý Đào K, sinh năm 1971 và Bà Lý Thị N sinh năm 1973 ; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho bà Lý Thị N: Ông Lý Đào K. *Vắng mặt.*

10. Ông Lê Văn L, sinh năm 1977 và Bà Phạm Thị D, sinh năm 1979; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho bà Phạm Thị D: Ông Lê Văn L. *Vắng mặt.*

11. Bà Tăng Thị N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Vắng mặt.*

12. Chị Lý Thị N, sinh năm 1992 và Anh Lý Văn D, sinh năm 1991; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều vắng mặt.*

13. Chị Tăng Thị M, sinh năm 1987 và Anh Chảo Văn S, sinh năm 1986; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho Ông Chảo Văn S: Bà Tăng Thị M. *Vắng mặt.*

14. Chị Liễu Thị Ph, sinh năm 1983 và Anh Tân Văn S, sinh năm 1985; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều vắng mặt.*

15. Chị Lý Thị S, sinh năm 1991 và Anh Phàn Văn S, sinh năm 1993; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; *Anh S có mặt, chị S vắng mặt.*

16. Anh Chảo Thanh Ph, sinh năm 1986 và Chị Phàn Thị M, sinh năm 1987; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho chị Phàn Thị M: Anh Chảo Thanh Ph. *Vắng mặt.*

17. Anh Vàng Văn C, sinh năm 1980 và Chị Tăng Thị Ph, sinh năm 1986; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho chị Tăng Thị Ph: Anh Vàng Văn C. *Có mặt.*

18. Anh Phàn Văn S, sinh năm 1980 và Chị Tăng Thị Ph sinh năm 1983; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho chị Tăng Thị Ph: Anh Phàn Văn Sính. *Vắng mặt.*

19. Anh Chảo Văn Nh, sinh năm 1988 và Chị Tăng Thị N sinh năm 1996; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho chị Tăng Thị N là anh Chảo Văn Nh. *Vắng mặt.*

20. Anh Phàn Văn Ngh, sinh năm 1987 và Chị Lý Thị M, sinh năm 1988; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều có mặt.*

21. Anh Lý Văn Ngh, sinh năm 1981 và Chị Tăng Thị M, sinh năm 1983; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho chị Tăng Thị M là anh Lý Văn Ngh. *Vắng mặt.*

22. Anh Vàng Văn Ngh, sinh năm 1982 và Chị Tăng Thị Kh, sinh năm 1983; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho chị Tăng Thị Kh là anh Vàng Văn Ngị. *Vắng mặt.*

23. Anh Chảo Văn D, sinh năm 1980 và Chị Chảo Thị N, sinh năm 1981 và anh Chảo Văn S, sinh năm 1998; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Anh D có mặt, chị N và anh S vắng mặt.*

24. Anh Chảo Văn L, sinh năm 1978 và Chị Phàn Thị N, sinh năm 1981; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho chị Phàn Thị N là anh Chảo Văn L. *Vắng mặt.*

25. Anh Phàn Văn U sinh năm 1984 và Chị Phàn Thị M, sinh năm 1984; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều vắng mặt.*

26. Anh Lý Văn S, sinh năm 1994 và Chị Chảo Thị C, sinh năm 1995; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều vắng mặt.*

27. Anh Lý Văn D, sinh năm 1985 và Chị Phàn Thị Ph, sinh năm 1987; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều có mặt.*

28. Anh Chảo Văn D, sinh năm 1984 và Chị Chảo Thị M sinh năm 1983; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều có mặt.*

29. Anh Vàng Sùn Ch, sinh năm 1984 và Chị Vàng Thị M, sinh năm 1987; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều có mặt.*

30. Anh Chảo Văn Ch, sinh năm 1991 và Chị Vàng Thị S sinh năm 1991; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho chị Vàng Thị S là anh Chảo Văn Ch. *Vắng mặt.*

31. Anh Vàng Xuân T, sinh năm 1988 và Chị Chảo Thị M sinh năm 1992; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều có mặt.*

32. Chị Phùng Thị Ph, sinh năm 1981 và Anh Lý Văn D, sinh năm 1978; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều vắng mặt.*

33. Chị Liễu Thị M, sinh năm 1992 và anh Lý Văn Ngh sinh năm 1991; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho anh Lý Văn Ng là chị Liễu Thị M. *Vắng mặt.*

34. Bà Tặng Thị Ch, sinh năm 1959; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Vắng mặt.*

35. Chị Vàng Thị N, sinh năm 1990 và anh Lý Văn Mi sinh năm 1986; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho chị Vàng Thị N là anh Lý Văn M. *Có mặt.*

36. Anh Lý Văn Ngh, sinh năm 1982 và Chị Tặng Thị L sinh năm 1984; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho chị Tặng Thị i là anh Lý Văn Ngh *Vắng mặt.*

37. Chị Lý Thị M, sinh năm 1985 và anh Đặng Đình Ngh sinh năm 1978; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều vắng mặt.*

38. Chị Chảo Thị Ch, sinh năm 1996 và Anh Phàn Văn L sinh năm 1994; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho chị Chảo Thị Ch là anh Phàn Văn L. *Có mặt.*

39. Chị Phan Thị M, sinh năm 1998; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Vắng mặt.*

40. Anh Vàng Văn L, sinh năm 1993 và chị Phan Thị M sinh năm 1998; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho chị Phan Thị M là anh Vàng Văn L. *Có mặt.*

41. Ông Phan Phụ Nh, sinh năm 1963 và bà Phùng Thị N sinh năm 1964; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho bà Phùng Thị N là ông Phan Phụ Nh. *Vắng mặt.*

42. Anh Vàng Văn T, sinh năm 1980 và chị Tăng Thị L sinh năm 1981, anh Vàng Văn S, sinh năm 1999 và chị Chảo Thị G, sinh năm 2000; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều vắng mặt.*

43. Anh Phan Phụ Ch, sinh năm 1974 và chị Lý Thị Ph sinh năm 1975; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho chị Lý Thị Ph là anh Phan Phụ Ch. *Có mặt.*

44. Anh Vàng Văn D, sinh năm 1984 và chị Chảo Thị Ph, sinh năm 1986; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều vắng mặt.*

45. Anh Vàng Văn S, sinh năm 1988 và chị Triệu Thị D, sinh năm 1993; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều vắng mặt.*

46. Anh Phan Văn Ngh, sinh năm 1995 và chị Phan Thị Ph, sinh năm 1994; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Đại diện theo ủy quyền cho chị Phan Thị Ph là anh Phan Văn Ngh. *Vắng mặt.*

47. Ông Phan Phụ Nh, sinh năm 1965 và bà Tăng Thị Ph sinh năm 1965, anh Phan Văn D, sinh năm 1989, chị Vàng Thị M, sinh năm 1991; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho ông Phan Phụ Nh, bà Tăng Thị Ph, chị Vàng Thị M là anh Phan Văn D. *Vắng mặt.*

48. Anh Vàng Sùng Ch, sinh năm 1974 và chị Chảo Thị M, sinh năm 1976; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều có mặt.*

49. Anh Vàng Văn D, sinh năm 1993 và Chị Tấn Thị L, sinh năm 1993; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều có mặt.*

50. Anh Chảo Văn Ngh, sinh năm 1994 và Chị Liễu Thị N sinh năm 1997; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều vắng mặt.*

51. Anh Phan Văn S, sinh năm 1988 và Chị Phan Thị Ph sinh năm 1992; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho chị Phan Thị Ph là anh Phan Văn S. *Vắng mặt.*

52. Chị Chảo Thị L, sinh năm 1984 và anh Tăng Văn Dt sinh năm 1984; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều vắng mặt.*

53. Anh Tăng Văn D, sinh năm 1980, anh Tăng Văn S, sinh năm 1999, chị Chảo Thị Ph, sinh năm 2003; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều vắng mặt.*

54. Anh Tăng Văn Ng, sinh năm 1988 và Chị Bàn Thị Ph sinh năm 1990; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều có mặt.*

55. Ông Đỗ Quốc Hoa, sinh năm 1963; Địa chỉ: Bản T, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Vắng mặt.*

56. Anh Vàng Văn Lai, sinh năm 1988 và Chị Tăng Thị N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều có mặt.*

57. Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1984 và Anh Hoàng Văn L sinh năm 1980; Địa chỉ: Bản T, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho chị Hoàng Thị L là anh Hoàng Văn L. *Vắng mặt.*

58. Anh Vàng Văn L, sinh năm 1998 và Chị Chảo Thị N, sinh năm 1995; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều có mặt.*

59. Anh Hoàng Văn E, sinh năm 1959 và Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1953; Địa chỉ: Bản T, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Đại diện theo ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Th là anh Hoàng Văn E. *Vắng mặt.*

60. Anh Lường Văn T, sinh năm 1966 và chị Tòng Thị A sinh năm 1969; Địa chỉ: Bản T, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều có mặt.*

61. Anh Vàng Sùn Ng, sinh năm 1966 và Chị Tăng Thị S, sinh năm 1964; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều vắng mặt.*

62. Anh Hoàng Văn A, sinh năm 1978 và Chị Tòng Thị O sinh năm 1979; Địa chỉ: Bản T, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều có mặt.*

63. Chị Lường Thị U, sinh năm 1979 và anh Lường Văn D sinh năm 1979; Địa chỉ: Bản T, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều có mặt.*

64. Ông Lò Văn H, sinh năm 1974 và chị Lò Thị Th sinh năm 1976; Địa chỉ: Bản T, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều có mặt.*

65. Ông Trần Văn T, sinh năm 1951 và bà Phạm Thị Nh sinh năm 1947; Địa chỉ: Bản T, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. *Đều vắng mặt.*

66. Anh Vàng Văn Kh, sinh năm 1988 và chị Bàn Thị M sinh năm 1991; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo ủy quyền cho chị Bàn Thị M là anh Vàng Văn Kh. *Có mặt.*

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Công ty TNHH một thành viên HK; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo pháp luật: Phạm Văn Th -Chức vụ: Giám đốc. *Vắng mặt.*

2. Tổng công ty công nghiệp H V; Địa chỉ: Phố Ph, phường Ph, quận Th, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Hồng Q - Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Hoàng A - Giám đốc Chi nhánh Công nghiệp H Lai Châu. Vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Ông Trử Văn H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ 5, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu. *Có mặt.*

2. Ông Nguyễn Thanh Ng, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 10, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu. *Có mặt.*

3. Ông Dương Ngọc Th, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 23, phường Đ, thành phố L. *Vắng mặt.*

4. Anh Trần Văn D, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 8, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu. *Vắng mặt.*

5. Anh Trần Thế L, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 5, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu. *Có mặt.*

6. Anh Giàng A X, sinh năm 1998; Địa chỉ: Bản Ch, xã Ph, huyện Th, tỉnh Lai Châu. *Vắng mặt.*

7. Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1978; Địa chỉ: 14B, Lý N, H, HK, Hà Nội. *Vắng mặt.*

8. Anh Nguyễn An Ch, sinh năm 1965; Địa chỉ: Khối S, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/7/2021, Sở Công Thương tỉnh Lai Châu ra Q định thu hồi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đã cấp cho Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng L. Khi đó trong kho vật liệu nổ công nghiệp - Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng L tại xã M, huyện Th, tỉnh Lai Châu đang tồn 798,3 kilôgam thuốc nổ nhũ tương P113 Ø32 (đã hết hạn sử dụng) và 175 kíp nổ điện vi sai - 4,5m (còn hạn sử dụng). Theo quy định của pháp luật số thuốc nổ hết hạn sử dụng phải được tiêu hủy theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về vật liệu nổ công nghiệp.

Ngày 02/8/2021, Nguyễn Mạnh C Tổng giám đốc công ty Cổ phần L đã ký hợp đồng thuê Chi nhánh công nghiệp hoá chất mỏ Lai Châu để tiêu hủy số thuốc nổ và kíp nổ trên với giá 17.500.000 đồng. Để có địa điểm tiêu hủy, Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng L đã ký biên bản thỏa thuận mượn mỏ đá Cang A nằm trong địa bàn bản L, xã P, huyện T do Công ty TNHH MTV HK quản lý. Theo

hợp đồng thỏa thuận tiêu hủy, địa điểm tiêu hủy Chi nhánh công nghiệp H Lai Châu đã khảo sát và xây dựng phương án tiêu hủy và được cơ quan có thẩm quyền là sở Công thương tỉnh Lai Châu chấp thuận phê duyệt. Theo phương án được phê duyệt, số vật liệu nổ trên được tiêu hủy bằng phương pháp nổ hủy trong hố đất, khởi nổ 16 lần, mỗi lần khởi nổ không quá 50,4 kilôgam thuốc nổ nhũ tương P113 Ø32; mỗi lần khởi nổ tiêu hủy cách nhau 3-5 phút, sử dụng 10 - 15 kíp nổ điện vi sai để làm thành các thời mìn mìn; bán kính an toàn do tác động của sóng xung kích đối với 01 lần nổ hủy 50,4 kilôgam là 213 m; bán kính an toàn do đá văng đối với người ≥ 300 m, đối với thiết bị ≥ 200 m). Sau đó, toàn bộ hồ sơ tiêu hủy được chuyển đến phòng PC06 Công an tỉnh Lai Châu để làm thủ tục xin cấp giấy phép vận chuyển số thuốc nổ và kíp nổ đã được phê duyệt đến địa điểm tiêu hủy. Theo Q định thành lập Hội đồng tiêu hủy do Chi nhánh công nghiệp H Lai Châu thành lập gồm 04 người: Trữ Văn H (Chủ tịch hội đồng); Trần Ngọc N (Chỉ huy nổ mìn); Phạm Xuân Q và Phạm Hùng H (Thợ nổ mìn).

Ngày 05 tháng 8 năm 2021, Trữ Văn H bận công việc đột xuất nên đã giao cho bị cáo Trần Ngọc N toàn quyền chỉ đạo việc tiêu hủy, được giao nhiệm vụ (bằng miệng) Trần Ngọc N đã thông báo đến toàn thể thành phần trong Hội đồng tiêu hủy nắm qua ứng dụng Zalo được đặt tên là “Team mìn” thông báo với nội dung: “*sáng mai (tức 05/8/2021) 4 anh em N, Thành, Q, H 5h có mặt ở cơ quan đi Than Uyên huỷ vật liệu nổ nhé*”. Như đã hẹn khoảng 05 giờ sáng ngày 06 tháng 8 năm 2021, Dương Ngọc Thành (lái xe của Chi nhánh công nghiệp H Lai Châu) điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 24C- 065.91 chở các Trần Ngọc N, Phạm Xuân Q và Phạm Hùng H xuống thủy điện Mường Kim 3 vận chuyển toàn bộ số thuốc nổ và kíp nổ đã hợp đồng từ kho chứa vật liệu nổ của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng L đến địa điểm mỏ đá Cang A để thực hiện việc tiêu hủy. Việc vận chuyển vật liệu nổ về mỏ đá Cang A được thực hiện làm 02 lần, lần 1: vận chuyển 510,3 kilôgam thuốc nổ nhũ tương P113 Ø32 và 175 kíp nổ điện vi sai - 4,5m, lần 2: vận chuyển 288 kilôgam thuốc nổ nhũ tương P113 Ø32.

Sau khi toàn bộ số 798,3 kilôgam thuốc nổ và 175 kíp nổ vi sai đã được vận chuyển về mỏ đá Cang A. Tại hiện trường tiêu hủy, Trần Ngọc N phát hiện có 11 lỗ khoan đá chiều sâu mỗi lỗ khoan từ 09 - 15 mét, đường kính 76mm do Công ty TNHH MTV HK khoan trước đó với mục đích để thực hiện khai thác đá, thấy thuận tiện cho việc tiêu hủy nên Trần Ngọc N mặc dù biết rõ không đúng với phương án tiêu hủy đã được phê duyệt nhưng vẫn bảo Phạm Xuân Q tiến hành nạp thuốc nổ vào 05 lỗ, còn N trực tiếp nạp thuốc nổ vào 06 lỗ; mỗi lỗ cho từ 28 - 38 kilôgam thuốc nổ và từ 01 - 02 kíp nổ điện vi sai, tổng khối lượng thuốc nổ được nạp vào trong 11 lỗ khoan khoảng từ 308 đến 418 kilôgam thuốc nổ. Số thuốc nổ còn lại Trần Ngọc N trực tiếp cho vào một hố đất đã được đào sẵn từ trước. Do diện tích hố đất nhỏ nên N đã bảo Phạm Hùng H nhờ anh Giàng A Xang thợ lái máy xúc của mỏ đá Cang A dùng máy xúc đào mở rộng hố đất với kích thước dài,

rộng, sâu khoảng 1,5m x 2m x 2m. Sau đó N cho số thuốc nổ còn thừa của lần vận chuyển thứ nhất chưa thi công hết vào trong hố đất và bảo H cùng N cho toàn bộ 288 kilôgam thuốc nổ của lần vận chuyển thứ hai (tổng khoảng 400 kilôgam thuốc nổ) vào trong hố đất rồi xúc đất đổ lên trên tạo thành 06 mô đất, N tiếp tục bảo H đi dải dây điện, Q đầu dây điện. Để đảm bảo an toàn Q trao đổi với N phủ thêm mặt đá lên 06 mô đất, N đồng ý rồi nhờ máy xúc, xúc mặt đá phủ lên trên toàn bộ 06 mô đất. N làm 06 bao mìn mồi (mỗi bao mìn mồi gồm 03 thỏi mìn từ 01 đến 02 kíp nổ điện vi sai - 4,5m, khoảng 0,9 kilôgam thuốc nổ), 01 bao mìn mồi N đặt giữa miệng hố phía trên lớp mặt đá, 05 bao mìn mồi còn lại đặt xung quanh miệng hố phía trên lớp mặt đá. Q tiến hành bó các kíp nổ điện vi sai còn lại thành từng bó, mỗi bó/10-20 kíp nổ điện vi sai đặt xung quanh hố nổ và cùng N đầu nối mạng điện còn H đi dải dây trực chính đến vị trí điểm hỏa cách vị trí tiêu hủy khoảng 150m. Sau khi đầu nối mạng điện xong N kiểm tra thông mạch toàn mạng điện nghĩ đã an toàn nên phát tín hiệu còi hú để cảnh báo cho người dân, các phương tiện xung quanh biết sắp diễn ra việc tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp.

Hồi 12 giờ 40 phút ngày 06/8/2021, Trần Ngọc N tiến hành bấm nút khởi nổ một lần 175 kíp nổ điện vi sai - 4,5m đã kích nổ toàn bộ 798,3 kilôgam thuốc nổ Nhũ tương P113 Ø32. Quá trình nổ tạo ra dư chấn làm thiệt hại tài sản đối với 62 hộ dân và 04 cơ quan quanh hiện trường tiêu hủy vật liệu nổ.

Tại bản kết luận giám định số 7538/C09-P2 ngày 29/10/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Với khối lượng 798,3 kilôgam thuốc nổ nhũ tương cho vào 11 lỗ khoan đá và 01 hố đất, khi gây nổ 01 lần thì bán kính sát thương bằng uy lực của thuốc nổ khoảng 150m đến 750m và bán kính ảnh hưởng do dư chấn khoảng từ 1500m đến 2000m.

Tại bản kết luận định giá tài sản thiệt hại số 31/KL-HĐĐGTS ngày 26/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Uyên kết luận: Tổng giá trị tài sản thiệt hại do vụ nổ gây ra là 156.730.939 đồng.

Bản cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 01/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Trần Ngọc N, Phạm Hùng H, Phạm Xuân Q về tội “*Vi phạm quy định quản lý vật liệu nổ*” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 307 Bộ luật Hình sự.

Ngày 29/7/2022 Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu ra Q định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên yêu cầu điều tra bổ sung hành vi của Trử Văn H và Trần Thanh Nghị có dấu hiệu của tội “TH trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự. Vì, đối với Nguyễn Thanh Nghị là người tiếp nhận và xử lý hồ xin phép tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp, được đồng chí Trưởng phòng quản lý công nghiệp Sở công thương giao nhiệm vụ cùng tham gia với lực lượng công an xuống kiểm tra việc tiêu hủy vật liệu nổ. Khi Trần Ngọc N, Phạm Xuân Q không thực hiện theo phương án tiêu hủy đã được Sở công thương chấp thuận. Do chủ quan nên đã không ngăn cản, yêu cầu

dừng việc tiêu hủy và cũng không báo cáo lãnh đạo Sở công thương mà đi xuống nhà điều hành để cho cho N, Q, H thực hiện việc tiêu hủy không đúng như phương án đã được phê duyệt và đối với Trử Văn H là Giám đốc Chi nhánh công nghiệp H Lai Châu - Chủ tịch Hội đồng tiêu hủy nhưng không có mặt tại buổi tiêu hủy đều là có dấu hiệu của tội “TH trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Ngày 10/8/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu có công văn số 01/CV-VKSTU về việc giữ nguyên bản cáo trạng số 26/CT-VKSLC ngày 01/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu và nhận thấy hành vi của Trử Văn H, Nguyễn Thanh Nghị không cấu thành tội “TH trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự với lý do:

Đối với Nguyễn Thanh Nghị, Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp sở Công thương tỉnh Lai Châu là người chủ động báo cáo xin ý kiến lãnh đạo sở công thương xuống kiểm tra việc tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và được lãnh đạo Sở công thương đồng ý xuống kiểm tra Chi nhánh công nghiệp Hoá chất mỏ Lai Châu có thực hiện tiêu hủy 798,3 kilôgam thuốc nổ bằng 175 kíp nổ như đã được thỏa thuận trong biên bản hợp đồng giữa Công ty cổ phần đầu tư, xây dựng L hay không chứ không nằm trong thành phần tiêu hủy và cũng không có trách nhiệm giám sát Chi nhánh công nghiệp H Lai Châu có thực hiện việc tiêu hủy có đúng như phương án đã được phê duyệt hay không và cũng không phải là Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp đang thi hành công vụ, Nghị không chứng kiến toàn bộ quá trình N, H, Q tiến hành tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp nên không biết N, H, Q thực hiện tiêu hủy 01 lần toàn bộ 798,3 kilôgam thuốc nổ nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với Trử Văn H, Giám đốc Chi nhánh công nghiệp H Lai Châu, chủ tịch hội đồng tiêu hủy, là người đã phê duyệt phương án tiêu hủy đảm bảo đúng quy định của pháp luật, khi vắng mặt đã phân công cho Trần Ngọc N (*chỉ huy nổ mìn*) chỉ đạo toàn quyền. Vì vậy, việc để xảy ra hậu quả 62 hộ gia đình và 04 cơ quan tổ chức bị thiệt hại không phải do lỗi trực tiếp của Trử Văn H, nên không đề cập trách nhiệm hình sự trong vụ án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay KH nại về bản kết luận điều tra và bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh “Vi phạm quy định quản lý vật liệu nổ” đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 1 Điều 307; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc N và Phạm Hùng H đề nghị xử phạt bị cáo Trần Ngọc N từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; bị cáo Phạm Hùng H và bị cáo Phạm Xuân Q từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Giao các bị cáo về nơi cư trú để giám sát giáo dục; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định; Về trách nhiệm dân sự: đối với các bị hại đã nhận

được tiền bồi thường không yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường nên không xem xét giải Q, đối với các bị hại tiếp tục yêu cầu các bị cáo bồi thường đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị hại và các bị cáo các nội dung thỏa thuận tại phiên tòa.

Các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên; các bị hại có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Tại lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, do các bị cáo đều chủ quan, không nghĩ đến hậu quả sẽ xảy ra như vậy. Các bị cáo đều gửi lời xin lỗi đến bị hại vắng mặt và những bị hại có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu, Công an huyện Tân Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều, tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, Q định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Hồi 12 giờ 40 phút ngày 06/8/2021, tại mỏ đá Cang A thuộc địa phận xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, các bị cáo Trần Ngọc N, Phạm Hùng H, Phạm Xuân Q là người đã được đào tạo cấp chứng chỉ an toàn vật liệu nổ công nghiệp, được giao nhiệm vụ tiêu hủy vật liệu nổ theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng các bị cáo đã thực hiện không đúng phương án tiêu hủy đã được phê duyệt, tiến hành tiêu hủy 01 lần toàn bộ 798,3 kilôgam thuốc nổ Nhũ tương P113 Ø 32 hết hạn sử dụng bằng 175 kíp nổ điện vi sai - 4,5m nên vi phạm điểm b, đ khoản 1 Điều 31 QCVN01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ do Bộ Công Thương ban hành theo Thông tư số 32/2019/TT-BCT ngày 21/11/2019 dẫn đến hậu quả gây thiệt hại về tài sản cho 62 hộ gia đình và 04 tổ chức với tổng số tiền thiệt hại là 156.730.939 đồng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với việc tiêu hủy vật liệu nổ. Các bị cáo biết việc thay đổi phương án tiêu hủy là không đúng nhưng vì muốn tiến độ nhanh hơn nên đã tự ý thay đổi phương án dẫn đến hậu quả nghiêm trọng. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định hành vi của các bị cáo Trần Ngọc N, Phạm Hùng H, Phạm Xuân Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về quản lý vật liệu nổ” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 307 Bộ luật Hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này bị cáo Trần Ngọc N là chỉ huy nổ mìn đã tự ý thay đổi phương án tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp được Sở Công

Thương tỉnh Lai Châu phê duyệt, bị cáo Phạm Hùng H, Phạm Xuân Q mặc dù có trình độ chuyên môn kỹ sư khai thác mỏ, được cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp mặc dù nhận thức được việc tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp không đảm bảo an toàn nhưng vẫn thực hiện theo chỉ đạo của Trần Ngọc N. Do vậy khi Q định hình phạt Hội đồng xét xử cần Q định hình phạt của Trần Ngọc N cao hơn so với Phạm Hùng H và Phạm Xuân Q theo quy định tại Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; ngay sau khi sự việc xảy ra các bị cáo đã trực tiếp khắc phục, sửa chữa và bồi thường thiệt hại về tài sản đối với 62 hộ dân và 4 đơn vị với tổng số tiền cụ thể là 761.776.644 đồng; bị cáo Trần Ngọc N được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu tặng Bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2014 – 2015; 2016 – 2017; 2018- 2019 và được Tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt N chứng nhận tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp tập đoàn năm 2017; được Chủ tịch ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp vì đã có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong công tác giai đoạn 2017 – 2019; bị cáo Phạm Hùng H được Tổng giám đốc công ty công nghiệp H V tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua Tổng công ty vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động, sản xuất và các nhiệm vụ công tác năm 2018 và có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng huy chương chiến sỹ vẻ vang; bị cáo Phạm Xuân Q có ông nội là thương binh; các bị hại đều có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự và tại phiên tòa bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Ngọc N, Phạm Hùng H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Không có.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đều có nơi cư trú rõ ràng và rất tích cực, khẩn trương, nhanh chóng khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại cho bị hại để những người bị hại sớm ổn định cuộc sống nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 307 Bộ luật Hình sự các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, hành

nghề hoặc làm công việc nhất định. Xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

01 (một) sợi dây cuống kíp có vỏ bọc màu vàng bị đứt dờ; 190 gam các đoạn dây cuống kíp màu xanh, đỏ bị nhiệt tác động làm đứt cháy sần sùi ở một đầu dây có dính mảnh kim loại đã bị biến dạng; 02 (hai) sợi dây cuống kíp có vỏ bọc màu vàng; 100 gam các sợi dây cuống kíp có vỏ bọc màu xanh, đỏ bị nhiệt tác động làm đứt cháy sần sùi ở một đầu một sợi có dính mảnh kim loại đã bị biến dạng; Khoảng 0,5 kg đất, đá, sỏi tại khu vực trung tâm hồ nổ. Xét thấy đây là vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

01 (một) máy nổ mìn điện, Model BM 300D, số máy 341, sản xuất năm 2018 (kèm theo 01 chìa khóa). Xét thấy đây là tài sản hợp pháp của Tổng công ty H V nên cần trả lại cho Tổng công ty là phù hợp với Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, số Imel 353069097304396 thu giữ của bị cáo Trần Ngọc N. Xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen có số Imel 1: 353408112767577; số Imel 2: 353408112767575, thu giữ của bị cáo Phạm Hùng H. Xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo H và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại máy Galaxy M51, màu đen số Imel 1: 353544561473083; số Imel 2: 353914471473087, đã bị bung nắp sau, điện thoại cũ, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Phạm Xuân Q. Xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Q. Việc trả lại điện thoại cho các bị cáo là phù hợp với Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 (một) đầu thu của camera giám sát, nhãn hiệu Dahua do Trung Quốc sản xuất. Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra xác định là tài sản của Công ty TNHH một thành viên HK nên đã trả lại cho Công ty là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra các bị cáo đều đã khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại cho những bị hại với tổng số tiền là 761.776.644 đồng. Cụ thể:

Đối với những bị hại: Trường tiểu học xã Pắc Ta, Ủy ban nhân dân xã Pắc Ta, Ủy ban nhân dân xã Hố Mít, Trường mầm non xã Pắc Ta và anh Chảo Trồng Liềm, chị Phàn Thị Mũi; anh Chảo Văn Cầu, chị Bàn Thị Phan; anh Lý Văn Diết, chị Chảo Thị Còi; anh Lý Đào Kiêm, chị Lý Thị Náy (sinh năm 1973); anh Lê Văn Lương, chị Phạm Thị Dung; chị Tặng Thị Náy; chị Lý Thị Náy (sinh năm 1992), anh Lý Văn Diết; chị Tặng Thị Mũi, anh Chảo Văn Sính; chị Liều Thị Pháy, anh Tản Văn Sơn; anh Chảo Thanh Phúc, chị Phàn Thị Mũi; anh Phàn Văn Sính, chị Tặng Thị Pham (sinh năm 1983); anh Chảo Văn Nhị, chị Tặng Thị Náy; anh Phàn Văn Nghị, chị Lý Thị Mũi (sinh năm 1988); anh Lý Văn Nghị, chị Tặng Thị Máy; anh Vàng Văn Nghị, chị Tặng Thị Khé; anh Chảo Văn Diết, chị Chảo Thị Náy; anh Chảo Văn Lũ, chị Phàn Thị Náy; chị Lý Thị Mũi (sinh năm 1984), anh Phàn

Văn Ủ; anh Lý Văn San, chị Chảo Thị Còi; anh Chảo Văn Diết, chị Chảo Thị Mùi; anh Chảo Văn Chẩn, chị Vàng Thị Sính; chị Phùng Thị Phẩy, anh Lý Văn Diết; chị Liễu Thị Mùi, anh Lý Văn Nghi (sinh năm 1991); chị Tăng Thị Chúi; anh Lý Văn Nghi (sinh năm 1983), chị Tăng Thị Lai; chị Lý Thị Mùi (sinh năm 1985), anh Đặng Đình Nghi; chị Chảo Thị Chẩn, anh Phan Văn Liễu; chị Phan Thị Mùi; ông Phan Phụ Nhân, bà Phùng Thị Náy; anh Vàng Văn Tám, chị Tăng Thị Lú; anh Phan Phụ Chẩn, chị Lý Thị Phạm; anh Vàng Văn Diết, chị Chảo Thị Phạm; anh Vàng Văn San, chị Triệu Thị Diện; anh Phan Văn Nghi, chị Phan Thị Phẩy; ông Phan Phụ Nhuận, bà Tăng Thị Phẩy, anh Phan Văn Diết, chị Vàng Thị Mây; anh Chảo Văn Nghi, chị Liễu Thị Náy; anh Phan Văn Siết, chị Phan Thị Phàng; chị Chảo Thị Lai, anh Tăng Văn Diết (sinh năm 1984); anh Tăng Văn Diết (sinh năm 1980), anh Tăng Văn Sinh, chị Chảo Thị Phạm; ông Đỗ Quốc Hoa; chị Hoàng Thị Liên, anh Hoàng Văn Liêm; anh Hoàng Văn Ề, chị Nguyễn Thị Thoa; anh Vàng Sún Nguyễn, chị Tăng Thị Sâu; ông Trần Văn Tường, bà Phạm Thị Nhuận. Những bị hại này đã được các bị cáo khắc phục sửa chữa, bồi thường, không yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với những bị hại:

Chị Lý Thị Lú và anh Tăng Văn Ủ có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường thêm cho anh chị số tiền 5.000.000đồng. Các bị cáo không nhất trí vì theo kết luận định giá xác định thiệt hại của gia đình anh chị là 5.325.351 đồng nhưng các bị cáo đã khắc phục và thay toàn bộ mái Proximăng cho gia đình và đã nhận bàn giao ngày....., chị Lú và anh Ủ không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì để xác định thiệt hại do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh chị. Tuy nhiên, tại phiên tòa các bị cáo thống nhất tự nguyện bồi thường, hỗ trợ thêm cho gia đình chị Lú và anh Ủ số tiền 1.000.000đồng. Bị cáo N bồi thường số tiền là 400.000đồng, bị cáo Q bồi thường 300.000 đồng, bị cáo H bồi thường 300.000đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo.

Chị Lý Thị Sính, anh Phan Văn Sứ yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 50.000.000 đồng. Các bị cáo không nhất trí vì theo kết luận định giá xác định thiệt hại thì gia đình chị Sính, anh Sứ bị thiệt hại 5.039.470 đồng nhưng các bị cáo đã bồi thường số tiền 50.500.000đồng. Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí hỗ trợ thêm gia đình chị Sính, anh Sứ số tiền 500.000đồng và chị Sứ, anh Sính nhất trí. Bị cáo N bồi thường số tiền là 168.000đồng, bị cáo Q bồi thường 167.000 đồng, bị cáo H bồi thường 165.000đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại Lý Thị Sính, anh Phan Văn Sứ.

Anh Vàng Văn Cầu, chị Tăng Thị Phạm yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 40.000.000 đồng. Các bị cáo không nhất trí vì theo kết luận định giá xác định thiệt hại thì gia đình anh Cầu, chị Phạm bị thiệt hại 16.737.623 đồng nhưng các bị cáo đã bồi thường số tiền 120.000.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí hỗ trợ thêm gia đình anh Cầu, chị Phan số tiền 2.000.000đồng và anh Cầu, chị Phạm nhất trí. Bị cáo N bồi thường số tiền là 700.000đồng, bị cáo Q bồi thường 650.000 đồng, bị cáo H bồi thường 650.000đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại anh Vàng Văn Cầu, chị Tăng Thị Phạm.

Anh Lý Văn Diết, chị Phan Thị Phạm yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 4.000.000 đồng. Các bị cáo không nhất trí vì theo kết luận định giá xác định thiệt hại thì gia đình anh Diết, chị Phạm bị thiệt hại 911.802 đồng nhưng các bị cáo đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí hỗ trợ thêm gia đình anh Diết, chị Phạm số tiền 1.000.000 đồng và anh Diết, chị Phạm nhất trí. Bị cáo N bồi thường số tiền là 400.000 đồng, bị cáo Q bồi thường 300.000 đồng, bị cáo H bồi thường 300.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại anh Lý Văn Diết, chị Phan Thị Phạm.

Anh Vàng Sùn Châu, chị Vàng Thị Mây yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 5.000.000 đồng. Các bị cáo không nhất trí vì theo kết luận định giá xác định thiệt hại thì gia đình chị Mây, anh Châu bị thiệt hại 2.370.686 đồng nhưng các bị cáo đã bồi thường số tiền 13.000.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí hỗ trợ thêm gia đình anh Châu, chị Mây số tiền 1.000.000 đồng và anh Châu, chị Mây nhất trí. Bị cáo N bồi thường số tiền là 400.000 đồng, bị cáo Q bồi thường 300.000 đồng, bị cáo H bồi thường 300.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại anh Vàng Sùn Châu, chị Vàng Thị Mây.

Anh Vàng Xuân Tài và chị Chảo Thị Mũi yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. Các bị cáo không nhất trí vì theo kết luận định giá xác định thiệt hại thì gia đình anh Tài, chị Mũi bị thiệt hại 1.823.605 đồng nhưng các bị cáo đã bồi thường số tiền 2.200.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí hỗ trợ thêm gia đình chị Mũi, anh Tài số tiền 500.000 đồng và anh Tài, chị Mũi nhất trí. Bị cáo N bồi thường số tiền là 168.000 đồng, bị cáo Q bồi thường 167.000 đồng, bị cáo H bồi thường 165.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại anh Vàng Xuân Tài, chị Chảo Thị Mũi.

Chị Vàng Thị Náy và anh Lý Văn Minh yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 3.176.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí bồi thường như yêu cầu của chị Náy và anh Minh. Bị cáo N bồi thường số tiền là 1.176.000 đồng, bị cáo Q bồi thường 1.000.000 đồng, bị cáo H bồi thường 1.000.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại chị Vàng Thị Náy, anh Lý Văn Minh.

Anh Vàng Văn Lú và chị Phan Thị Mũi yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Các bị cáo không nhất trí vì theo kết luận định giá xác định thiệt hại thì gia đình anh Lú, chị Mũi bị thiệt hại 2.527.264 đồng nhưng các bị cáo đã bồi thường số tiền 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí hỗ trợ thêm gia đình anh Lú, chị Mũi số tiền 2.000.000 đồng và anh Lú, chị Mũi nhất trí. Bị cáo N bồi thường số tiền là 700.000 đồng, bị cáo Q bồi thường 650.000 đồng, bị cáo H bồi thường 650.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại anh Vàng Văn Lú và chị Phan Thị Mũi.

Anh Vàng Sùng Châu và chị Chảo Thị Mũi yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 70.000.000 đồng. Các bị cáo không nhất trí vì theo kết luận định giá xác định thiệt hại thì gia đình anh Châu, chị Mũi bị thiệt hại 2.370.686 đồng

nhưng các bị cáo đã tự khắc phục, sửa chữa thiệt hại và bàn giao nhà vào ngày 08/8/2021. Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí hỗ trợ thêm gia đình anh Châu, chị Mũi số tiền 2.000.000đồng và anh Châu, chị Mũi nhất trí. Bị cáo N bồi thường số tiền là 700.000đồng, bị cáo Q bồi thường 650.000 đồng, bị cáo H bồi thường 650.000đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại anh Vàng Sùng Châu và chị Chảo Thị Mũi.

Anh Vàng Văn Diết, chị Tăng Thị Lúu yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. Các bị cáo không nhất trí vì theo kết luận định giá xác định thiệt hại thì gia đình anh Diết, chị Lúu bị thiệt hại 993.378 đồng nhưng các bị cáo đã bồi thường số tiền 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí hỗ trợ thêm gia đình anh Diết, chị Lúu số tiền 1.000.000đồng và anh Diết, chị Lúu nhất trí. Bị cáo N bồi thường số tiền là 400.000đồng, bị cáo Q bồi thường 300.000 đồng, bị cáo H bồi thường 300.000đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại anh Vàng Văn Diết, chị Tăng Thị Lúu.

Anh Tăng Văn Nghị và chị Bàn Thị Phạm yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 30.000.000 đồng. Các bị cáo không nhất trí vì theo kết luận định giá xác định thiệt hại thì gia đình anh Nghị, chị Phạm bị thiệt hại 1.074.087 đồng nhưng các bị cáo đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí hỗ trợ thêm gia đình anh Nghị, chị Phạm số tiền 1.000.000đồng và anh Nghị, chị Phạm nhất trí. Bị cáo N bồi thường số tiền là 400.000đồng, bị cáo Q bồi thường 300.000 đồng, bị cáo H bồi thường 300.000đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại anh Tăng Văn Nghị, chị Bàn Thị Phạm.

Anh Vàng Văn Lai và chị Tăng Thị Náy yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 40.000.000 đồng. Các bị cáo không nhất trí vì theo kết luận định giá xác định thiệt hại thì gia đình anh chị bị thiệt hại 3.699.283đồng nhưng các bị cáo đã bồi thường số tiền 26.000.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí hỗ trợ thêm gia đình anh Lai, chị Náy số tiền 2.000.000đồng và anh Lai, chị Náy nhất trí. Bị cáo N bồi thường số tiền là 700.000đồng, bị cáo Q bồi thường 650.000 đồng, bị cáo H bồi thường 650.000đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại anh Vàng Văn Lai và chị Tăng Thị Náy.

Anh Hoàng Văn Lúu và chị Chảo Thị Náy yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 8.000.000 đồng. Các bị cáo không nhất trí vì theo kết luận định giá xác định thiệt hại thì gia đình anh chị bị thiệt hại 931.929 đồng nhưng các bị cáo đã bồi thường số tiền 800.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí hỗ trợ thêm gia đình anh Lúu, chị Náy số tiền 1.000.000đồng và anh Lúu, chị Náy nhất trí. Bị cáo N bồi thường số tiền là 400.000đồng, bị cáo Q bồi thường 300.000 đồng, bị cáo H bồi thường 300.000đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại anh Hoàng Văn Lúu và chị Chảo Thị Náy.

Anh Lường Văn Tiến và chị Tòng Thị An yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 6.000.000 đồng. Các bị cáo không nhất trí vì theo kết luận định giá xác định thiệt hại thì gia đình anh chị bị thiệt hại 558.000 đồng nhưng các bị cáo đã bồi thường số tiền 500.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí hỗ trợ thêm gia đình anh chị số tiền 1.000.000đồng và anh Tiến, chị An nhất trí. Bị cáo N bồi thường số tiền là 168.000đồng, bị cáo Q bồi thường 167.000 đồng, bị cáo H

bồi thường 165.000đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại anh Lương Văn Tiến và chị Tòng Thị An.

Anh Hoàng Văn Ảnh và chị Tòng Thị Õng yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. Các bị cáo không nhất trí vì theo kết luận định giá xác định thiệt hại thì gia đình anh chị bị thiệt hại 394.885 đồng nhưng các bị cáo đã bồi thường số tiền 500.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí hỗ trợ thêm gia đình anh chị số tiền 1.000.000đồng và anh Ảnh và chị Õng nhất trí. Bị cáo N bồi thường số tiền là 400.000đồng, bị cáo Q bồi thường 300.000 đồng, bị cáo H bồi thường 300.000đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại anh Hoàng Văn Ảnh và Tòng Thị Õng.

Chị Lương Thị Uân và anh Lương Văn Dương yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Các bị cáo không nhất trí vì theo kết luận định giá xác định thiệt hại thì gia đình anh chị bị thiệt hại 707.634 đồng nhưng các bị cáo đã bồi thường số tiền 200.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí tiếp tục bồi thường thêm cho gia đình anh chị số tiền 1.000.000đồng và chị Uân và anh Dương nhất trí. Bị cáo N bồi thường số tiền là 400.000đồng, bị cáo Q bồi thường 300.000 đồng, bị cáo H bồi thường 300.000đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại chị Lương Thị Uân và anh Lương Văn Dương.

Anh Lò Văn Hặc và chị Lò Thị Thanh yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Các bị cáo không nhất trí vì theo kết luận định giá xác định thiệt hại thì gia đình anh chị bị thiệt hại 10.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí tiếp tục bồi thường thêm cho gia đình anh chị số tiền 1.000.000đồng và anh Hặc, chị Thanh nhất trí. Bị cáo N bồi thường số tiền là 400.000đồng, bị cáo Q bồi thường 300.000 đồng, bị cáo H bồi thường 300.000đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại anh Lò Văn Hặc và chị Lò Thị Thanh.

Anh Vàng Văn Khé và chị Vàng Thị Mấy yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Các bị cáo không nhất trí vì theo kết luận định giá xác định thiệt hại thì gia đình anh chị bị thiệt hại 1.888.517 đồng nhưng các bị cáo đã bồi thường số tiền 2.700.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí hỗ trợ thêm cho gia đình anh chị số tiền 1.000.000đồng và anh Khé, chị Mấy nhất trí. Bị cáo N bồi thường số tiền là 400.000đồng, bị cáo Q bồi thường 300.000 đồng, bị cáo H bồi thường 300.000đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại anh Vàng Văn Khé và chị Vàng Thị Mấy.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận trên giữa các bị cáo và những người bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 và Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự ghi nhận sự thỏa thuận trên.

[6] Kiến nghị:

Kiến nghị với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu tiếp tục điều tra làm rõ hành vi “TH trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” đối với Trử Văn H và Nguyễn Thanh Nghị tránh lọt người, lọt tội để đảm bảo giải Q vụ án được khách quan, toàn diện.

[7] Những vấn đề có liên quan đến vụ án:

Đối với Trần Văn Diện và Trần Thế Long đều là Cán bộ Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Lai Châu đây là cơ quan có chức năng cấp giấy phép vận chuyển 798,3 kilôgam thuốc nổ và 175 kíp nổ từ kho bảo quản thủy điện Mường Kim 3, đến mỏ đá Cang A của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên HK thuộc địa bàn xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu và cụ thể Trần Văn Diện và Trần Thế Long được lãnh đạo đơn vị cử đi giám sát việc vận chuyển này, chứ không nằm trong hội đồng tiêu hủy và cũng không có chức năng giám sát hội đồng tiêu hủy. Vì vậy Trần Văn Diện và Trần Thế Long cũng không có căn cứ để xử lý.

Đối với Giàng A Xang là công nhân lái máy xúc của Công ty TNHH MTV HK, trong quá trình tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp đã giúp N và H đào 01 hố đất để tiến hành cho thuốc nổ vào tiêu hủy, Xang không được đào tạo nghiệp vụ chuyên môn về sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp, không phải thành viên hội đồng tiêu hủy vật liệu nổ. Do vậy, Xang không biết việc N, H, Q làm là vi phạm quy định về tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp nên hành vi của Giàng A Xang không đồng phạm với N, H, Q.

Đối với Dương Ngọc Thành, lái xe ô tô BKS: 24C-065.91 của chi nhánh công nghiệp H Lai Châu chở 798,3 kilôgam thuốc nổ và 175 kíp nổ từ thủy điện Mường Kim 3 đến mỏ đá Cang A xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên để tiêu hủy. Nguyễn Mạnh Cường là Giám đốc công ty cổ phần đầu tư và xây dựng L người trực tiếp hợp đồng thuê chi nhánh công nghiệp H Lai Châu tiêu hủy 798,3 kilôgam thuốc nổ loại nhũ tương P113 và 175 kíp nổ điện vi sai - 4,5m. Phạm Văn Thước, Giám đốc Công ty TNHH MTV HK là người cho Nguyễn Mạnh Cường - giám đốc công ty cổ phần đầu tư và xây dựng L mượn địa điểm là mỏ đá Cang A (bản Liên Hợp xã Pắc Ta) tiêu hủy số thuốc nổ và kíp nổ nói trên. Nguyễn Mạnh Cường, Phạm Văn Thước không là thành viên Hội đồng tiêu hủy và cũng không có nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc tiêu hủy nên cũng không có cơ sở để xử lý.

Đối với bà Chảo Thị Náy, sinh năm 1968, trú tại Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu trình báo ngày 06/8/2021 khi vụ nổ tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp xảy ra bà Náy bị thanh gỗ trên xà nhà gãy rơi trúng vùng mặt. Ngày 07/10/2021, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Lai Châu trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Lai Châu giám định tỉ lệ thương tích của bà Náy. Do phong tục tập quán của dân tộc và bản thân đã nhận bồi thường số tiền 4.000.000 đồng bà Náy kiên Q từ chối giám định và cung cấp kết quả chụp kiểm tra vùng đầu của bà Náy tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Lai Châu thể hiện bà Náy không bị tổn thương vùng đầu. Vì vậy cơ quan CSĐT không có căn cứ để điều tra làm rõ thương tích của bà Náy nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 146 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 23, Điều 26 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 307; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58; Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự và các điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự; Điều 23, Điều 26 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo; áp dụng thêm điểm v khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc N và bị cáo Phạm Hùng H.

[1] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc N, Phạm Hùng H, Phạm Xuân Q phạm tội "Vi phạm quy định về quản lý vật liệu nổ".

[2] Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc N 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/8/2022). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục.

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân Q 16 (Mười sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 32 (Ba mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/8/2022). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục.

Xử phạt bị cáo Phạm Hùng H 14 (Mười bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 (Hai mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/8/2022). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[3] Về vật chứng của vụ án:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) sợi dây cuống kíp có vỏ bọc màu vàng bị đứt dở; 190 gam các đoạn dây cuống kíp màu xanh, đỏ bị nhiệt tác động làm đứt cháy sần sùi ở một đầu dây có dính mảnh kim loại đã bị biến dạng; 02 (hai) sợi dây cuống kíp có vỏ bọc màu vàng; 100 gam các sợi dây cuống kíp có vỏ bọc màu xanh, đỏ bị nhiệt tác động làm đứt cháy sần sùi ở một đầu một sợi có dính mảnh kim loại đã bị biến dạng; Khoảng 0,5 kg đất, đá, sỏi tại khu vực trung tâm hố nổ.

Trả lại 01 (một) máy nổ mìn điện, Model BM 300D, số máy 341, sản xuất năm 2018 (kèm theo 01 chìa khóa) cho Tổng công ty công nghiệp H V; Địa chỉ: Phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Hồng Quang - Chức vụ: Tổng giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Hoàng Anh – Giám đốc Chi nhánh Công nghiệp H Lai Châu.

Trả lại 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, số Imel 353069097304396 cho bị cáo Trần Ngọc N.

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen có số Imel 1: 353408112767577; số Imei 2: 353408112767575, thu giữ được đựng trong 01 bì

công văn của Công an tỉnh Lai Châu. Mặt trước phong bì có ghi “Mẫu vật hoàn lại kèm theo KLGD số 837/GĐ-KTHS ngày 09/11/2021 của phòng PC09 Công an tỉnh Lai Châu”. Các mép được dán kín, có chữ ký của những người tham gia niêm phong Vũ Tiến Toàn, Hà Văn Tình và được đóng 02 hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu cho bị cáo Phạm Hùng H.

Trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại máy Galaxy M51, màu đen số Imei 1: 353544561473083; số Imei 2: 353914471473087, đã bị bung nắp sau, điện thoại cũ, đã qua sử dụng cho bị cáo Phạm Xuân Q.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 02/6/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu với Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tân Uyên).

[4] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại, các bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản như sau:

4.1 Bồi thường cho chị Lý Thị Lú, sinh năm 1973 và anh Tăng Văn Ủ, sinh năm 2001; đều trú tại: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu số tiền 1.000.000đồng. Cụ thể, bị cáo Trần Ngọc N bồi thường số tiền là 400.000đồng, bị cáo Phạm Xuân Q bồi thường 300.000 đồng, bị cáo Phạm Hùng H bồi thường 300.000đồng.

4.2 Bồi thường cho chị Lý Thị Sính, sinh năm 1991 và anh Phan Văn Sú, sinh năm 1993; đều trú tại: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu số tiền 500.000đồng. Cụ thể, bị cáo Trần Ngọc N bồi thường số tiền là 168.000đồng, bị cáo Phạm Xuân Q bồi thường 167.000 đồng, bị cáo Phạm Hùng H bồi thường 165.000đồng.

4.3 Bồi thường cho anh Vàng Văn Cầu, sinh năm 1980 và chị Tăng Thị Pham, sinh năm 1986; đều trú tại: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu số tiền 2.000.000đồng. Cụ thể, bị cáo Trần Ngọc N bồi thường số tiền là 700.000đồng, bị cáo Q bồi thường 650.000 đồng, bị cáo H bồi thường 650.000đồng.

4.4 Bồi thường cho anh Lý Văn Diết, sinh năm 1985 và chị Phan Thị Pham, sinh năm 1987; đều trú tại: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu số tiền 1.000.000đồng. Cụ thể, bị cáo Trần Ngọc N bồi thường số tiền là 400.000đồng, bị cáo Phạm Xuân Q bồi thường 300.000 đồng, bị cáo Phạm Hùng H bồi thường 300.000đồng.

4.5 Bồi thường cho anh Vàng Sùn Châu, sinh năm 1984 chị Vàng Thị Mấy, sinh năm 1987 đều trú tại: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu số tiền 1.000.000đồng. Cụ thể, bị cáo Trần Ngọc N bồi thường số tiền là 400.000đồng, bị cáo Phạm Xuân Q bồi thường 300.000 đồng, bị cáo Phạm Hùng H bồi thường 300.000đồng.

4.6 Bồi thường cho anh Vàng Xuân Tài, sinh năm 1988 và chị Chảo Thị Mũi, sinh năm 1992 đều trú tại: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu số tiền 500.000đồng. Cụ thể, bị cáo Trần Ngọc N bồi thường số tiền là 168.000đồng, bị cáo Phạm Xuân Q bồi thường 167.000 đồng, bị cáo Phạm Hùng H bồi thường 165.000đồng.

4.7 Bồi thường cho chị Vàng Thị Náy, sinh năm 1900 và anh Lý Văn Minh, sinh năm 1986; đều trú tại: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu số tiền 3.176.000 đồng. Cụ thể, bị cáo Trần Ngọc N bồi thường số tiền là 1.176.000 đồng, bị cáo Phạm Xuân Q bồi thường 1.000.000 đồng, bị cáo Phạm Hùng H bồi thường 1.000.000đồng.

4.8 Bồi thường cho anh Vàng Văn Lúu, sinh năm 1993 và chị Phan Thị Mũi, sinh năm 1998; đều trú tại: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu số tiền 2.000.000đồng. Cụ thể, bị cáo Trần Ngọc N bồi thường số tiền là 700.000đồng, bị cáo Phạm Xuân Q bồi thường 650.000 đồng, bị cáo Phạm Hùng H bồi thường 650.000đồng.

4.9 Bồi thường cho anh Vàng Sùng Châu, sinh năm 1974 và chị Chảo Thị Mũi, sinh năm 1974; đều trú tại: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu số tiền 2.000.000đồng. Cụ thể, bị cáo Trần Ngọc N bồi thường số tiền là 700.000đồng, bị cáo Phạm Xuân Q bồi thường 650.000 đồng, bị cáo Phạm Hùng H bồi thường 650.000đồng.

4.10Bồi thường cho anh anh Vàng Văn Diết, sinh 1993 và chị Tăng Thị Lúu, sinh năm 1993; đều trú tại: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu số tiền 1.000.000đồng. Cụ thể, bị cáo Trần Ngọc N bồi thường số tiền là 400.000đồng, bị cáo Phạm Xuân Q bồi thường 300.000 đồng, bị cáo Phạm Hùng H bồi thường 300.000đồng.

4.11 Bồi thường cho anh Tăng Văn Nghi, sinh năm 1988 và chị Bàn Thị Pham, sinh năm 1990; đều trú tại: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu số tiền 1.000.000đồng. Cụ thể, bị cáo Trần Ngọc N bồi thường số tiền là 400.000đồng, bị cáo Phạm Xuân Q bồi thường 300.000 đồng, bị cáo Phạm Hùng H bồi thường 300.000đồng.

4.12 Bồi thường cho anh Vàng Văn Lai, sinh năm 1988 và chị Tăng Thị Náy, sinh năm 1990; đều trú tại: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu số tiền 2.000.000đồng. Cụ thể, bị cáo Trần Ngọc N bồi thường số tiền là 700.000đồng, bị cáo Phạm Xuân Q bồi thường 650.000 đồng, bị cáo Phạm Hùng H bồi thường 650.000đồng.

4.13 Bồi thường cho anh Hoàng Văn Lúu, sinh năm 1988 và chị Chảo Thị Náy, sinh năm 1995; đều trú tại: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu số tiền 1.000.000đồng. Cụ thể, bị cáo Trần Ngọc N bồi thường số tiền là 400.000đồng, bị cáo Phạm Xuân Q bồi thường 300.000 đồng, bị cáo Phạm Hùng H bồi thường 300.000đồng.

4.14 Bồi thường cho anh Lường Văn Tiến, sinh năm 1966 và chị Tòng Thị An, sinh năm 1969; đều trú tại: Bản T, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu số tiền 1.000.000đồng. Cụ thể, bị cáo Trần Ngọc N bồi thường số tiền là 400.000đồng, bị cáo Phạm Xuân Q bồi thường 300.000 đồng, bị cáo Phạm Hùng H bồi thường 300.000đồng.

4.15 Bồi thường cho anh Hoàng Văn Ảnh, sinh năm 1978 và chị Tòng Thị Õng, sinh năm 1979; đều trú tại: Bản T, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu số tiền 1.000.000đồng. Cụ thể, bị cáo Trần Ngọc N bồi thường số tiền là 400.000đồng, bị cáo Phạm Xuân Q bồi thường 300.000 đồng, bị cáo Phạm Hùng H bồi thường 300.000đồng.

4.16 Bồi thường cho chị Lương Thị Uyên, sinh năm 1979 và anh Lương Văn Dương, sinh năm 1976; đều trú tại: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu số tiền 1.000.000đồng. Cụ thể, bị cáo Trần Ngọc N bồi thường số tiền là 400.000đồng, bị cáo Phạm Xuân Q bồi thường 300.000 đồng, bị cáo Phạm Hùng H bồi thường 300.000đồng.

4.17 Bồi thường cho anh Lò Văn Hặc, sinh năm 1974 và chị Lò Thị Thanh, sinh năm 1976; đều trú tại: Bản T, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu số tiền 1.000.000đồng. Cụ thể, bị cáo Trần Ngọc N bồi thường số tiền là 400.000đồng, bị cáo Phạm Xuân Q bồi thường 300.000 đồng, bị cáo Phạm Hùng H bồi thường 300.000đồng.

4.18 Bồi thường cho anh Vàng Văn Khé, sinh năm 1988 và chị Vàng Thị Mây, sinh năm 1991; đều trú tại: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu số tiền 1.000.000đồng. Cụ thể, bị cáo Trần Ngọc N bồi thường số tiền là 400.000đồng, bị cáo Phạm Xuân Q bồi thường 300.000 đồng, bị cáo Phạm Hùng H bồi thường 300.000đồng.

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

[5] Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: bị cáo Trần Ngọc N phải chịu 217.800đồng; bị cáo Phạm Hùng H phải chịu 180.750đồng, bị cáo Phạm Xuân Q phải chịu 180.750đồng.

[6] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi Cục THADS huyện Tân Uyên;
- Công an huyện Tân Uyên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Tuyết Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

